

QUYẾT ĐỊNH
Về việc trợ cấp xã hội học kỳ I, năm học 2020 - 2021
cho sinh viên hệ chính quy Trường Du lịch

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-HĐĐH ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng Đại học Huế về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25 tháng 8 năm 1998 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập và Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc sửa đổi, bổ sung khoản 4 mục I phần II Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH;

Theo đề nghị của Q. Hiệu trưởng Trường Du lịch và Trưởng Ban Đào tạo và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp xã hội học kỳ I, năm học 2020 - 2021 cho 61 sinh viên hệ chính quy, Trường Du lịch (danh sách đính kèm).

Điều 2. Sinh viên hưởng trợ cấp xã hội theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Q. Hiệu trưởng Trường Du lịch, Trưởng Ban Đào tạo và Công tác sinh viên, Trưởng Ban Kế hoạch, Tài Chính và Cơ sở vật chất và những sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *28*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc Đại học Huế (để b/c);
- Lưu: VT, KDL, ĐTCTSV. LMH. *✓*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Huỳnh Văn Chương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ

**DANH SÁCH SINH VIÊN TRƯỜNG DU LỊCH ĐƯỢC NHẬN TRỢ CẤP XÃ HỘI
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020-2021**

(Kèm theo Quyết định số **2097**/QĐ-ĐHH ngày **30** tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Đại học Huế)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp-ngành	Đối tượng miễn, giảm	Ghi chú
1	17D4011272	Trần Phương Nhung	07/04/1999	K51 QTDVDLLH	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
2	17Q4011008	Phạm Thị Hạnh	21/12/1999	K51 QLLH3	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
3	18D4041123	Đặng Thị Nhung	03/11/1999	K52 Du lịch 1	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
4	18D4051162	Trương Thị Tuyết Ngân	08/06/2000	K52 QTKS ĐT2	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
5	19D4011304	Võ Thị Phương Loan	18/10/2001	K53 QTDVDL&LH3	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
6	19D4011491	BhNước Pô Ly	23/08/2001	K53 QTDVDL&LHĐT	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
7	19D4021027	Phạm Thị Hiền	02/08/2000	K53 QTKD	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
8	19D4051242	Nguyễn Thị Mận	25/01/2000	K53 QTKS ĐT3	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
9	20D4050339	Cao Hiếu	27/02/2001	K54 QTKS	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
10	17D4011199	Trần Thị Thu Ly	24/10/1999	K51 QLLH2	Con DTTS vùng KTĐBKK	
11	17D4011214	Viên Thị Hiền My	10/09/1998	K51 QLLH2	Con DTTS vùng KTĐBKK	
13	17D4011242	Lê Khắc Nguyễn	19/05/1999	K51 QLLH3	Con DTTS vùng KTĐBKK	
14	18D4021013	Lâm Thị Ngọc Bích	17/08/2000	K52 TC7QLSK	Con DTTS vùng KTĐBKK	
15	18D4011092	Radêl Thị Đậu	01/02/2000	K52 QTDVDL&LHĐT	Con DTTS vùng KTĐBKK	
16	18D4011120	Lê Thị Trung Hà	07/05/1999	K52 QTDVDL&LH2	Con DTTS vùng KTĐBKK	
17	18D4011271	Coor Thị Lan	23/08/2000	K52 QTDVDL&LH2	Con DTTS vùng KTĐBKK	
18	18D4011319	Hiền Thị Luyến	05/06/2000	K52 QTDVDL&LH2	Con DTTS vùng KTĐBKK	
19	18D4011381	Ta Cooi Thị Ngoi	07/07/2000	K52 QTDVDL&LH2	Con DTTS vùng KTĐBKK	
20	18D4011519	Hồ Thị Kim Tha	28/10/2000	K52 QTDVDL&LH1	Con DTTS vùng KTĐBKK	
21	18D4051225	A Lê Hờ Sứ	06/07/2000	K52 QTKSĐT1	Con DTTS vùng KTĐBKK	
22	19D4011296	Đinh Thị Mỹ Loan	08/07/2001	K53 QTDVDL&LH3	Con DTTS vùng KTĐBKK	
23	19D4011728	Phạm Thị Mỹ Uyên	01/05/2001	K53 QTDVDL&LH2	Con DTTS vùng KTĐBKK	
24	19D4021028	Hồ Thị Phương	27/03/2001	K53 QTKD	Con DTTS vùng KTĐBKK	
25	19D4041133	A Lăng Thị Hồng	02/09/2000	K53 Du lịch 2	Con DTTS vùng KTĐBKK	

26	19D4041142	Hồ Thị Giáng Hương	22/07/2001	K53 Du lịch ĐT1	Con DTTS vùng KTĐBKK	
27	19D4041418	A Rất Thị Ly Trang	12/10/2001	K53 Du lịch1	Con DTTS vùng KTĐBKK	
28	19D4051050	Riah Thị Điệp	08/02/2001	K53 QTKS1	Con DTTS vùng KTĐBKK	
29	19D4051296	Ta Cooi Thị Nguyệt	02/09/2001	K53 QTKS1	Con DTTS vùng KTĐBKK	
30	19D4051325	Trần Lê Quỳnh Như	28/11/2001	K53 QTKS ĐT1	Con DTTS vùng KTĐBKK	
31	19D4051369	Hoàng Thị Xuân Phương	15/12/2001	K53 QTKS1	Con DTTS vùng KTĐBKK	
32	20D4010244	Trần Thị Nguyễn Sóng	04/06/2002	K54 QTDVDL&LH2	Con DTTS vùng KTĐBKK	
33	20D4010376	A Lăng Thị Chúa	28/10/2002	K54 QTDVDL&LH	Con DTTS vùng KTĐBKK	
34	20D4010438	Hồ Thị Giang	17/09/2002	K54 QTDVDL&LH	Con DTTS vùng KTĐBKK	
35	20D4010519	Ngô Văn Huân	24/08/2002	K54 QTDVDL&LH	Con DTTS vùng KTĐBKK	
36	20D4010584	Cao Thị Đào Lan	02/01/2002	K54 QTDVDL&LH	Con DTTS vùng KTĐBKK	
37	20D4040129	H – Nera – A Yũn	20/10/2002	K54 Du lịch	Con DTTS vùng KTĐBKK	
38	20D4040283	A Lăng Thị Họa My	10/09/2002	K54 Du lịch	Con DTTS vùng KTĐBKK	
39	20D4040362	A Râl Quang	10/03/2002	K54 Du lịch	Con DTTS vùng KTĐBKK	
40	20D4040365	Hồ Thị Như Quỳnh	17/08/2002	K54 Du lịch	Con DTTS vùng KTĐBKK	
41	20D4050706	Tơ Ngõl Thị Yên	27/09/2002	K54 QTKS	Con DTTS vùng KTĐBKK	
42	20D4060238	Nguyễn Khâm Xon	19/05/2002	K54 QTNH&DVAU	Con DTTS vùng KTĐBKK	
43	20D4080061	Đinh Thị Thu Thủy	20/02/2002	K54 QTDL&KS	Con DTTS vùng KTĐBKK	
44	20D4050454	Đào Thị Thúy Nga	10/04/2002	K54 QTKS ĐT3	Con DTTS vùng KTĐBKK	
45	18D4011455	Đinh Thị Bích Phương	26/06/2000	K52 QTDVDLLH ĐT3	Con DTTS rất ít người vùng KTĐBKK	
46	19D4011712	Cầm Ánh Tuyết	20/07/2001	K53 QTDVDL&LH3	Con DTTS hộ nghèo	
47	19D4041061	Hiền Thị Thảo Diệu	02/09/2001	K53 Du lịch ĐT1	Con DTTS hộ nghèo	
48	20D4010861	Thào A Tàu	01/06/2002	K54 QTDVDL&LH	Con DTTS hộ nghèo	
49	20D4060108	A Rất Hào	14/10/2002	K54 QTNH&DVAU	Con DTTS hộ nghèo	
50	20D4080041	Lê Thị Khánh Ly	16/02/2002	K54 QTDL&KS	Con hộ nghèo	
51	20D4010720	Trương Thị Thanh Nhã	21/10/2002	K54 QTDVDL&LH1	Con hộ nghèo	
52	20D4050142	Tôn Nữ Thị Hồng Phúc	03/08/2002	K54 QTKS	Con hộ nghèo	
53	20D4010909	Bùi Văn Thiệu	15/03/2002	K54 QTDVDL&LH	Con hộ nghèo	
54	20D4010109	Nguyễn Hoàng Lan	18/09/2002	K54 QTDVDL&LH	Con hộ nghèo	
55	19D4011483	Trần Thị Trà Phương	02/11/2000	K53 QTDVDL&LH1	Con hộ nghèo	
56	19D4051195	Hồ Thị Ngọc Lan	07/11/2001	K53 QTKS1	Con hộ nghèo	
57	19D4011078	Lê Thị Phương Đông	16/03/2001	K53 QTDVDL&LHĐT	Con hộ nghèo	



58	18D4041066	Hoàng Thị Khánh Linh	20/01/2000	K52 Du lịch2	Con hộ nghèo	
59	18D4051005	Chế Thị Phương Anh	07/06/2000	K52 QTKS2	Con hộ nghèo	
60	17D4011383	Trần Thị Thủy	02/02/1999	K51 HDDL2	Con hộ nghèo	
61	19D4041372	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/01/2001	K53 Du lịch 2	Con hộ nghèo	

Tổng danh sách này có 61 sinh viên./.

(Signature)

